

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC THÀNH PHỐ: NGHÈO ĐÓI VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ Ở HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VIỆT NAM)¹

(Hội nghị Dân số Quốc tế IUSSP lần thứ 26/Marrakesh, từ 27/9 đến 02/10/2009)

Patrick Gubry²; Lê Thị Hương³; Nguyễn Thị Thiêng⁴

Trong bối cảnh phát triển đô thị mạnh mẽ và tự do hoá kinh tế, các mối tương quan giữa di dân, nghèo đói và môi trường đô thị là những vấn đề lớn cho sự phát triển và là mối quan tâm lớn về lĩnh vực dân số của các thành phố lớn tại Việt Nam. Bên cạnh đó, chính quyền đang phải đối mặt với những vấn đề cần thiết về hỗ trợ tăng trưởng kinh tế để phát triển việc làm và bảo vệ môi trường trong chính sách phát triển bền vững.

Tại các thành phố, môi trường tự nhiên được phân chia thành vùng rộng lớn bởi đặc điểm dân số đô thị của từng địa phương. Tuy nhiên, môi trường đô thị là một môi trường cơ bản được thay đổi bởi con người, do con người tạo ra và không còn tính “tự nhiên”. Tất cả vấn đề trên liên quan bởi nhiều yếu tố trong xây dựng, cơ sở hạ tầng (đường giao thông, nước và cung cấp điện, xử lý nước thải...) và các hoạt động của con người (các nhà máy, các khu vực phi chính thức, nội thị và thâm canh nông nghiệp vùng ngoại vi, giao thông vận tải...). Những hoạt động này đang được quan tâm là nguồn gốc của một “hiệu ứng nhiệt đô thị” (hiệu ứng tăng nhiệt cục bộ của đô thị).

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2009 tương đương khoảng 2 triệu và 6 triệu dân đô thị) là hai thành phố lớn nhất Việt Nam về dân cư và tiềm năng kinh tế⁵.

Các mối quan hệ khác nhau với môi trường sống được tạo ra bởi sự xuất hiện một bên là những người di cư và không di cư, mặt khác là sự phân hóa giàu nghèo. Người giàu và người nghèo phân bố không đồng đều trong cùng một thành phố; nhìn chung, người nghèo chiếm số lượng lớn ở khu vực ngoại thành và nông thôn, trong các huyện thuộc nội thành

¹ Bài viết này đã được trình bày tại Hội nghị Dân số Quốc tế (IUSSP) lần thứ 26, Marrakesh, từ 27 tháng 9 đến 2 tháng 10 năm 2009

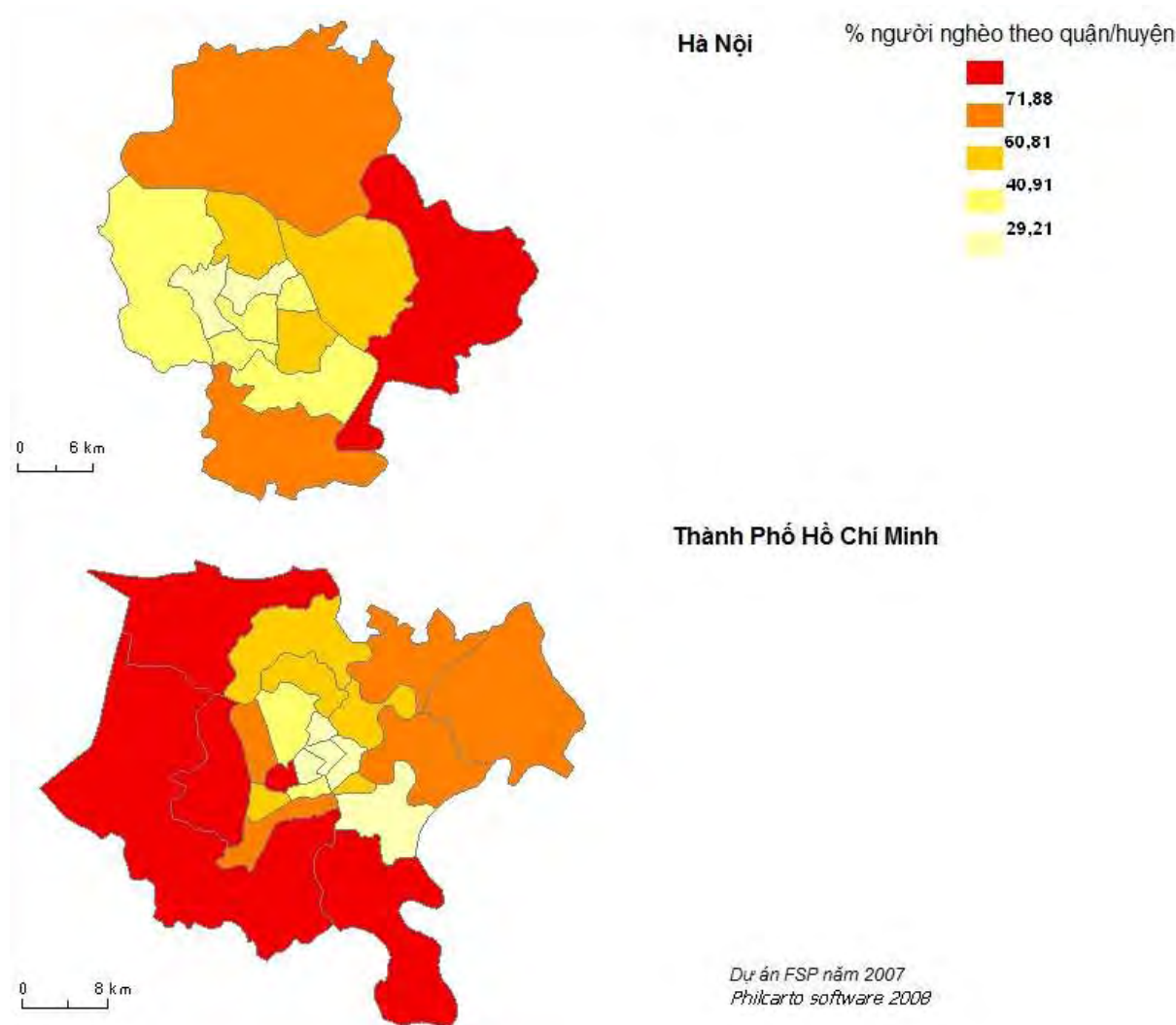
² Viện Nghiên cứu về Phát triển Pháp (IRD), UMR 201 (Đại học Paris 1/IRD)
32 Đường Henri Varagnat, 93143 Bondy Cedex (France)
patrick.gubry@ird.fr, Số điện thoại : [33] (0)1 48 02 59 96, Fax: [33] (0)1 48 47 30 88

³ Viện nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HIDS)
28 Lê Quý Đôn, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam)
lehuongloc@hotmail.com, Số điện thoại : [84] (0)8 39 321 360, Fax: [84] (0)8 39 321 369

⁴ Viện Dân số và các vấn đề xã hội (IPSS)
207 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Việt Nam)
thiengnt@gmail.com, Số điện thoại : [84] (0)4 36 283 286, Fax: [84] (0)4 38 696 411

⁵ Ở Việt Nam, rõ ràng là rất cần thiết khi đề cập đến “dân số đô thị”, đó là cách duy nhất để so sánh theo các công ước quốc tế bởi vì các giới hạn hành chính ở các thành phố lớn của Việt Nam thường bao gồm một vùng nông thôn rộng lớn.

(Bản đồ 1). Như vậy họ không những không phải đối mặt với những vấn đề như nhau thuộc môi trường sống mà còn đóng góp những cách khác nhau vào sự suy thoái của môi trường.



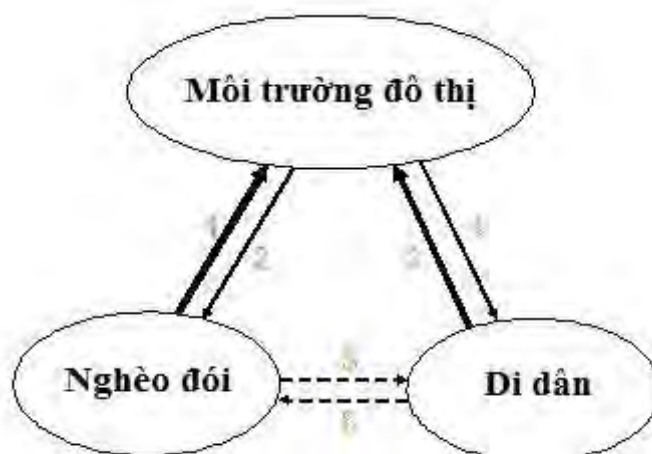
Bản đồ 1: Tỷ lệ hộ có mức sống thấp theo thành phố và quận/huyện

- Một dự án nghiên cứu cụ thể

Ở Việt Nam, tài liệu kỹ thuật về môi trường rất nhiều nhưng các phương pháp tiếp cận nhân khẩu học-xã hội ở cấp hộ gia đình còn hạn chế và không có sự thống kê chính xác. Vì vậy, một dự án nghiên cứu cụ thể đã được thực hiện. Nó quyết định nghiên cứu cụ thể mối tương quan giữa tình trạng di cư và tiêu chuẩn sống với môi trường sống đô thị (Biểu đồ 1)⁶. Mục đích là làm rõ điều kiện sống thực tế của dân số trong mối quan hệ với môi trường, so sánh hai hệ thống thành phố lớn nhất của quốc gia – một là quá trình mà họ đã thực hiện theo

⁶ Khái niệm “người giàu” và “người nghèo” được sử dụng ở đây đề cập đến điều kiện sống tương đối và không có sự phân loại chính thức.

một trình tự trong thời gian dài về sự phát triển riêng biệt – và thực hiện đưa ra các biện pháp chính sách dựa trên các quan sát cụ thể.



Biểu đồ 1: Mối tương quan giữa tình trạng di dân, nghèo đói và môi trường đô thị

Dự án nghiên cứu về “Di dân, đói nghèo và môi trường đô thị: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh” là một trong 10 dự án được thực hiện trong khuôn khổ của chương trình nghiên cứu khoa học FSP (FSP2S) ở Việt Nam. Nó được Bộ Ngoại giao Pháp tài trợ, Sở Nội vụ châu Âu và IDR, và được quản lý bởi đại sứ quán Pháp tại Hà Nội.

Dự án được thực hiện bởi Viện nghiên cứu và phát triển (IRD), Marseille, Viện nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HIDS), Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Cùng hợp tác của 6 nhà nghiên cứu : Patrick Gubry (IRD-UMR 201, Đại học Paris 1), Lê Thị Hương, Trần Thị Thanh Thủy, Lê Hồ Phong Linh (HIDS), Nguyễn Thị Thiêng, Nguyễn Thúy Hương, Vũ Hoàng Ngân (IPSS) và một số đồng nghiệp khác tham gia điều tra, xử lý số liệu và phân tích.

Việc chọn mẫu ở cả hai thành phố được tiến hành theo phương pháp ngẫu nhiên và phân thành hai cấp độ. Thứ nhất chọn tổ dân phố thực hiện khảo sát và thứ hai chọn hộ gia đình khảo sát. Việc xây dựng dàn mẫu không sử dụng danh sách hộ gia đình có sẵn của chính quyền địa phương (Đây là danh sách chính thức dành cho việc quản lý đăng ký cư trú hiện hành tại Việt Nam). Theo kế hoạch chọn mẫu các hộ gia đình điều tra được lựa chọn dựa vào danh sách do các điều tra viên lập bằng cách “đi bộ lập danh sách hộ” ở cấp độ thứ hai. Từ đó, những mẫu bị sai lệch hoặc thiếu sót sẽ giảm. Trong thực tế, cuộc khảo sát được thực hiện trong khoảng thời gian tháng 6 và tháng 7 năm 2007, bao gồm 1000 hộ gia đình (3.818 cá nhân) ở Hà Nội, và 1.500 hộ gia đình (6.416 cá nhân) ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Môi trường sống hộ gia đình và điều kiện sống

Để khắc phục việc không thể có được những dữ liệu đáng tin cậy về thu nhập và chi phí sinh hoạt thông qua cuộc khảo sát đơn, chúng tôi đã thành lập một chỉ số đo lường mức sống của các hộ gia đình dựa trên chất lượng nhà ở và sở hữu tài sản lâu bền của hộ gia đình.

Không ai ngạc nhiên khi khung cảnh sống trong hộ gia đình được cải thiện khi mức sống tăng lên: Điều này liên quan không chỉ đến chất lượng nhà ở (loại nhà, trang bị nội thất, diện tích nhà ở), tiếp cận nước sạch, việc xả nước thải và quản lý rác thải (đối với Hà Nội, việc quản lý rác thải có thể không kể đến, những hộ có mức sống cao hơn cũng không có phương thức quản lý rác thải tốt hơn), phương tiện vận tải mà còn cả vị trí của ngôi nhà.

Ở cả hai thành phố, tỷ lệ những hộ gia đình được sử dụng nước máy trong nhà được tăng lên cùng với mức sống. Tuy nhiên, tỷ lệ này ở Hà Nội cao hơn (sử dụng nước sạch trong nhà nhiều hơn và ít có sự phân hóa giàu nghèo hơn) so với Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc dù gặp khó khăn khi khảo sát các chỉ tiêu đo lường mức sống, cụ thể là Hà Nội hầu như không thể thống kê được chỉ tiêu “cứ mỗi hộ gia đình có một thành viên sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự ô nhiễm nguồn nước”. Nghịch lý thay, người giàu lại cho rằng bị ảnh hưởng tác động của sự ô nhiễm nhiều hơn mặc dù điều kiện sống của họ tốt hơn. Điều này, có thể là do họ có trình độ ý thức cao hơn. Mặt khác, tỉ lệ những người trả lời “không biết” giảm một cách hợp lý trong khi mức sống tăng lên. Điều này dường như có liên quan đến giáo dục.

Bên cạnh đó, hầu như không có sự khác nhau giữa những người sử dụng lưới điện quốc gia được kết nối điện trực tiếp theo con đường chính thức hoặc qua các con đường không chính thức khác như kết nối qua hàng xóm.

Các dụng cụ đun nấu thức ăn cơ bản có sự khác nhau tùy theo tiêu chuẩn sống giữa những người nghèo nhất: Ở Hà Nội, khí gas – khí đốt chủ yếu – thường được thay thế bằng than hoặc bằng gỗ. Còn ở Thành phố Hồ Chí Minh, nó thường được thay thế bằng nguyên liệu rẻ hơn như gỗ hoặc dầu hỏa. Với điều kiện sống như trên, điều kiện không khí trong nhà của người nghèo bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Theo cách tương tự, trong cả hai thành phố, tỷ lệ hộ gia đình bao gồm một hoặc một vài người thường xuyên hút thuốc lá giảm đáng kể khi mức sống tăng lên, kết quả này phù hợp với nhận định trong các tài liệu khoa học rằng hút thuốc lá vẫn là một trong các cách tiêu khiển tuyệt vời của những người nghèo. Điều này góp phần làm suy thoái môi trường sống của họ.

Xe máy là phương tiện giao thông thường xuyên được sử dụng để di chuyển trong thành phố. Ở cả hai thành phố, nó thường ít được sử dụng bởi những người nghèo, những người do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bắt buộc phải đi bộ hoặc đi xe đạp. Ở Hà Nội, sự phân hóa giàu nghèo nhiều hơn.

- Môi trường sống và mức sống ở vùng lân cận

So với người giàu, những người nghèo thường sống gần các nhà máy hoặc là những nơi thường xuyên ngập lụt, vì đó là nơi ở ít tốn kém nhất.

Chất lượng không khí trong các khu dân cư ở Hà Nội tồi tệ hơn so với ở thành phố Hồ Chí Minh. Có thể không phải vì nơi đây bị ô nhiễm hơn mà do sự tập trung dân cư vào trung tâm thành phố. Trái với những dự đoán trước đây, những người nghèo hiện sống rải rác ở vùng ngoại ô – ở những vùng có mật độ sống thấp hơn và vùng nông thôn – lại cho rằng họ sẽ ít bị xáo trộn do chất lượng không khí thấp và tiếng ồn.

Rất khó có thể giải thích tại sao sự nguy hiểm được coi là điều đáng ngại nhất ở Hà Nội. Người giàu quan tâm đến điều này hơn người nghèo. Trong trường hợp này, ta có thể suy đoán rằng người giàu có nhiều thứ để mất hơn nếu thiếu an ninh, nhưng vì thế người nghèo sống ở những khu vực thân thiện hơn – nơi mà mọi người đều biết nhau, chính bởi vậy, sẽ hạn chế được sự xâm nhập từ bên ngoài.



Ảnh 1: Lũ lụt ngày 31 tháng 10 năm 2008, ở Hà Nội



Ảnh 2: Nhà đất ở quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

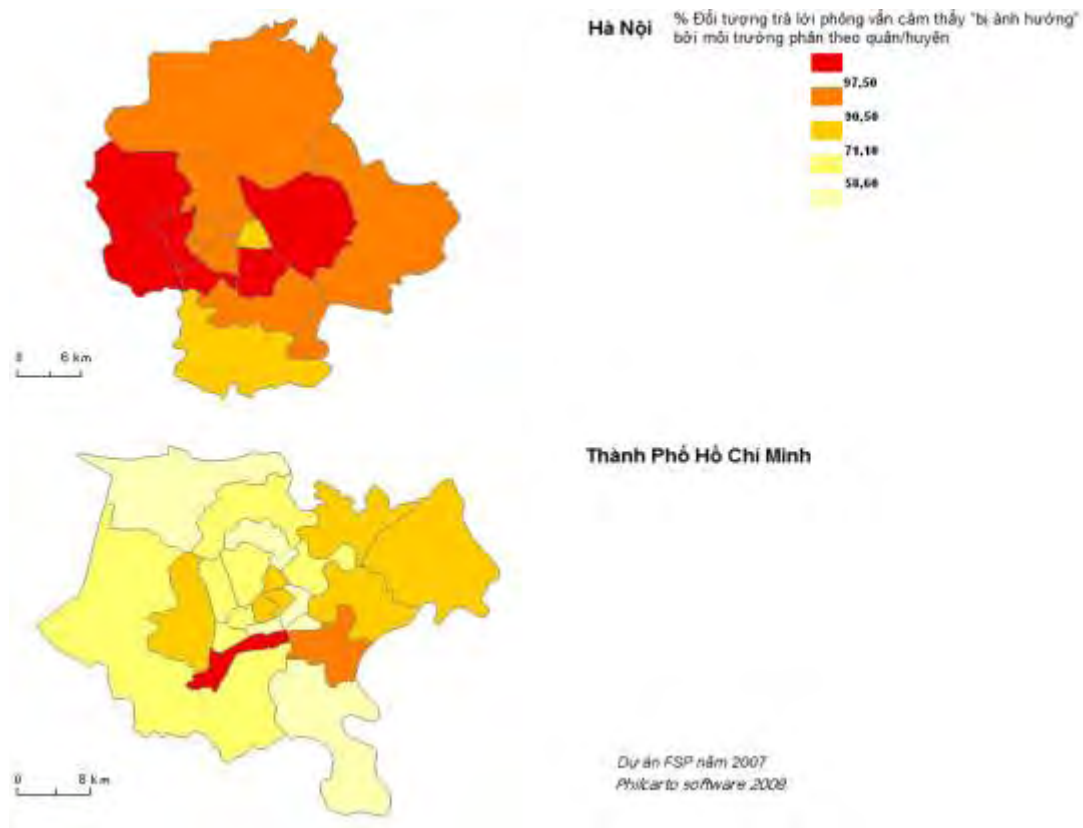
- Nhận thức về vấn đề môi trường sống

Nhận thức về vấn đề môi trường tương đối cao, bao gồm cả nhận thức về môi trường thế giới. Một người dân Hà Nội đã giải thích: *“Môi trường càng bền vững, thì sự phát triển của con người sẽ càng bền vững hơn”*.

Tuy nhiên, nhận thức của người dân Hà Nội cao hơn hẳn so với người dân ở Thành phố Hồ Chí Minh (Bản đồ 2). Sau này, tỷ lệ những người trả lời rằng họ không biết cũng cao. Mặc dù chỉ tiêu khác biệt giới tính ở Hà Nội thấp, nhưng so với thành phố Hồ Chí Minh thì vẫn cao hơn. Điều này có thể là do trình độ học vấn của phụ nữ ở các thành phố phía Nam thấp hơn.

Nghịch lý thay, mặc dù họ phải đối mặt thường xuyên hơn với các vấn đề về môi trường và sự suy thoái của nó, nhưng những người nghèo lại ít quan tâm đến môi trường. Về mặt này, thì khoảng cách phân hóa giàu nghèo ở Hà Nội lại cao hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nghèo là những người mà nguyện vọng của họ ít được chú trọng nhất. Sự khác nhau giữa nhận thức của người giàu và người nghèo có liên quan đến trình độ học vấn thấp của người nghèo. Trong các khu ngoại ô, nơi những người tuyên bố rằng mình ít quan tâm đến vấn đề môi trường – thường xuyên gặp phải những vấn đề như thiếu cơ sở hạ tầng, sống gần các khu công nghiệp, gặp phải các vấn đề về vận tải.



Bản đồ 2: Phân bố đối tượng phỏng vấn theo cảm nhận cá nhân bị ảnh hưởng bởi môi trường theo thành phố và quận/huyện

- Kết luận và kiến nghị

Sự khác biệt rất lớn về cách thiết lập cuộc sống và môi trường đô thị được nhấn mạnh theo các tiêu chuẩn sống. Những vấn đề đáng lo ngại nhất trong môi trường đô thị đó là môi trường hộ gia đình (chất lượng nhà ở, cung cấp nước sạch, ô nhiễm nguồn nước, nước thải, rác thải nội địa, sử dụng điện, phương tiện giao thông...) và môi trường xung quanh (vị trí nhà ở, cơ sở hạ tầng, chất lượng đường giao thông, ách tắc đường bộ, khí thải, tiếng ồn, an ninh...).

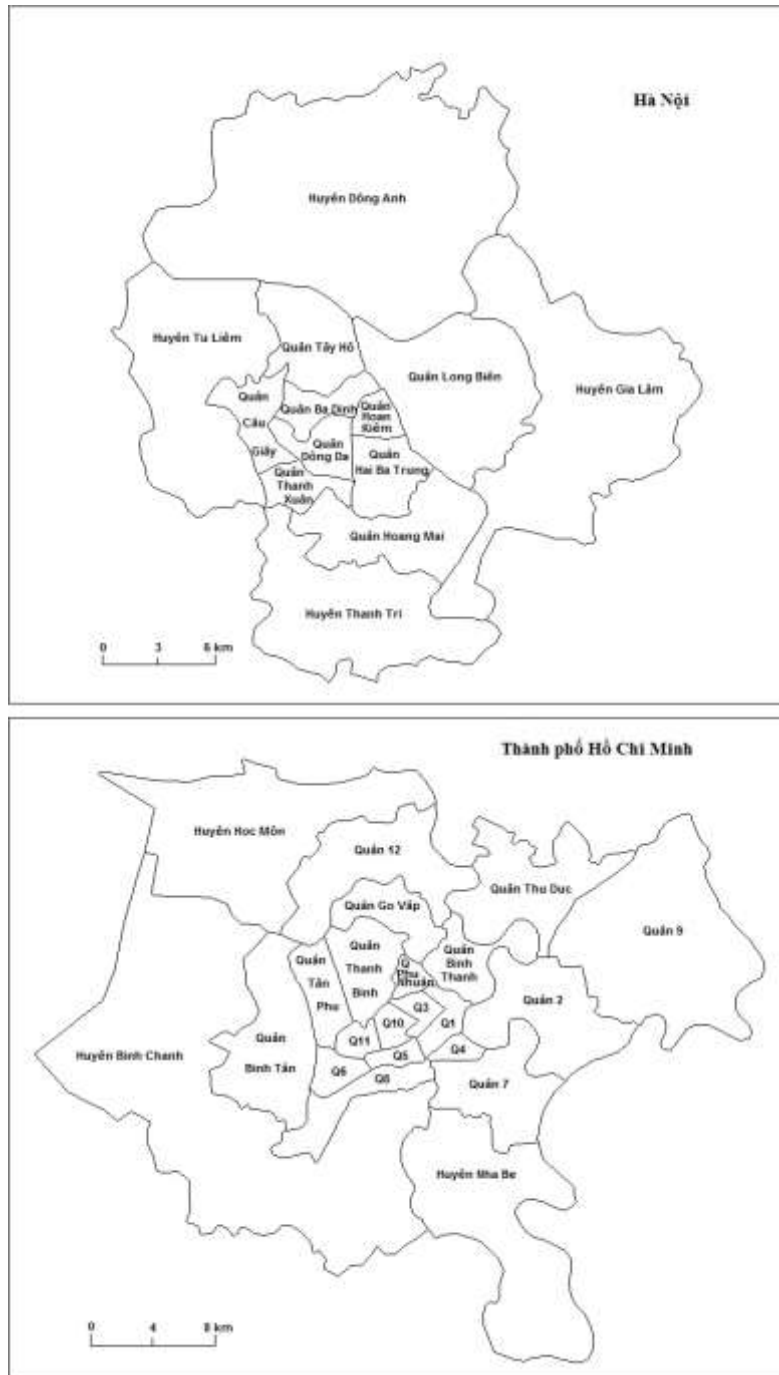
Nhiều giải pháp được người dân đề xuất, xuất phát từ vấn đề môi trường thực tế của họ, trong đó thường gặp nhất là việc xả nước thải và hệ thống xử lý nước thải, hiện đại hóa việc thu gom rác thải và các chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức của người dân.

Tác hại của giao thông đường bộ trong việc làm ô nhiễm không khí được thừa nhận, nhưng các biện pháp nhằm phát triển đầy đủ giao thông công cộng vẫn chưa được đề cập đến. Lũ lụt xảy ra nhiều hơn và thường xuyên hơn ở cả hai thành phố và các tiêu đề báo cần phải được tiếp cận một cách chính đáng.

Đồng thời, vai trò cơ bản của giáo dục cũng được đưa ra, nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề này cũng như đề xuất các giải pháp. Thực tế cho thấy rằng, phụ nữ ít được giáo dục về vấn

đề này hơn so với nam giới. Mặc dù nhận thức của dân cư ngày càng tăng lên, nhưng vẫn cần những nỗ lực cải tiến trong việc giáo dục về môi trường. Người dân Hà Nội hình như được giáo dục tốt hơn về vấn đề này so với người dân Thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC



Bản đồ hành chính (quận/huyện) của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh năm 2007

(Không tính huyện Sóc Sơn ở Hà Nội, huyện Củ Chi và Cần Giờ ở TP. Hồ Chí Minh)

(Nguồn: Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Viện Dân số và các vấn đề xã hội, ***Kỷ yếu khoa học 20 năm thành lập Viện Dân số và các vấn đề xã hội***, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội - tháng 3/2012)



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

KỶ YẾU KHOA HỌC

**20 NĂM THÀNH LẬP
VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI
(1992 - 2012)**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
Hà Nội, tháng 3 năm 2012**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

KỶ YẾU KHOA HỌC

(1992 – 2012)

KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

BAN BIÊN TẬP

GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH CỬ	TRƯỞNG BAN
PGS.TS. NGUYỄN THỊ THIÈNG	ỦY VIÊN
TS. LƯU BÍCH NGỌC	ỦY VIÊN
THS. BÙI THỊ HẠNH	ỦY VIÊN
THS. HÀ TUẤN ANH	ỦY VIÊN
THS. TRẦN KHÁNH	ỦY VIÊN
CN. VŨ THỊ THÚY	ỦY VIÊN
CN. PHẠM VĂN TRỌNG	ỦY VIÊN

HÀ NỘI, 3-2012